TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 127/2020/HS- PT
Ngày 4- 5- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quốc Văn;
Các thẩm phán: Bà Lê Thị Hiệu;
Bà Lê Thị Thủy.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Phi- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Thanh- KSV.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên toà phúc thẩm công khai xét xử vụ án Hình sự thụ lý số 52/2020/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020; Do có kháng cáo đối với bản án số 01/2020/HS-ST ngày 16-01-2020 của Toà án nhân dân huyện Bá Thước; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXPT- HS ngày 20- 4- 2020; đối với:

Bị cáo: Trương Công D, sinh năm 1985; Giới tính: N;
Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.
Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N.
Con ông: Trương Công S (tên gọi khác Trương Anh S; Trương Văn S), sinh năm 1960 và bà Hà Thị Kh, sinh năm 1959.
Gia đình có ba anh em bị cáo là con thứ hai, có vợ là Nguyễn Thị T sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2011;
Tiền án, Không; Tiền sự: Không.
Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Văn Thịnh - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 3 - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

Người bị hại kháng cáo: Anh Nguyễn Đình N, sinh năm 1988, có mặt.
Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Hà Văn L, sinh năm 1987, có mặt
Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Anh Quách Văn T, sinh năm 1972, có mặt.
Nơi cư trú: Thôn M, xã L, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21giờ 10 phút ngày 02/8/2019, Trương Công D từ nhà người quen về, thấy có ánh đèn pin ngoài ruộng cách nhà khoảng 50m. D vào bếp lấy một con dao, đầu đội đèn pin chiếu sáng đi ra ruộng. Thấy anh Nguyễn Đình N đang dùng kích điện bắt lươn, D nói "Đi về đi", N nói với D "Mới được có mấy con thôi", rồi N tiếp tục kích lươn. D đi lại gần, lúc này anh N đang ở bãi đất ngoài ruộng lúa của gia đình D. D cầm dao tay phải đi ngang với N và chém vào tay của anh N. Anh N thấy đau và nhìn xuống thấy ngón tay áp út trái đứt đến xương chảy máu thì nói "Anh chém em à?", D nói "Ừ tao chém mi đấy". D tiếp tục chém liên tiếp vào trán và cổ anh N. Anh N tóm được cán dao của D và ghì cắm dao của D xuống bùn. Hai bên giằng co, anh N vừa giữ dao của D vừa kêu cứu. Anh Quách Văn Tâm ở gần đó đã can ngăn đẩy D ra, đưa anh N đi cấp cứu tại phòng khám Lương Điền, sau đó chuyển đến Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy điều trị.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 22 giờ 30 ngày 02/8/2019, anh N có các vết thương sau: 01 vết thương vùng trán trái dài 12cm sâu sát xương; 01 vết thương vùng cổ dài: 5cm sâu 0,3cm; 01 vết thương ở ngón tay áp út tay trái đứt gân, đứt xương.

Tại bản kết luận giám định thương tích số 614/2019/TTPY ngày 15/10/2019 của Trung tâm pháp y Thanh Hóa kết luận: Tổng tỷ lệ tổn hại phần trăm sức khỏe của Nguyễn Đình N tổn thương cơ thể là 10%.

Anh Nguyễn Đình N có đơn xin trưng cầu giám định lại.

Tại bản kết luận giám định về thương tích số 6526/C09/TT1 ngày 18/11/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "Sẹo vùng trán không ảnh hưởng thẩm mỹ 03%;

Sẹo vùng cổ trước bên trái không ảnh hưởng chức năng và thẩm mỹ 2%;

Sẹo mặt sau-ngoài ngón IV tay trái 02%;

Gãy đốt 1 ngón IV bàn tay trái đang can liền 02%;

Gãy đốt 3 ngón IV bàn tay trái đang can liền 01%;

Đứt gân duỗi ngón IV bàn tay trái đã khâu nối ảnh hưởng đến động tác gấp duỗi mức độ nhiều 04%;

Áp dụng ghi chú tại chương 8, tỉ lệ % phải thấp hơn so với cắt bỏ đoạn chi tương ứng (mất trọn ngón tay IV: 8-10% theo mục 5.4.6 phần IV chương 8), xác định tỉ lệ các thương tích và di chứng chấn thương tại ngón tay trái là 0,7%.

Áp dụng phương pháp xác định tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích quy định tại Thông tư 20/2014/TT- BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế xác định tổng tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Đình N tại thời điểm giám định là: 12%.

Vật chứng gồm: 01 con dao mũi bằng, chiều dài 37cm, cán gỗ, phần lưỡi dài 25cm, phần cán dài 12cm, lưỡi dao rộng 6,5cm dao đã qua sử dụng.

Ngày 07/01/2020 bị cáo đã tự nguyện nộp 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th để tự nguyện bồi thường cho người bị hại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn L trình bày: Anh làm nghề xây dựng thu nhập bình quân mỗi ngày 250.000 đồng/ngày. Ngày 02/8/2019, bạn anh là Nguyễn Đình N bị chém, đi viện, anh là người trực tiếp chăm sóc anh N trong những ngày nằm viện, tổng thiệt hại là 250.000đ x 11 ngày là 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng. Anh L yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh ngày công mất thu nhập.

Anh Nguyễn Đình N yêu cầu bị cáo D bồi thường các khoản:

- Tiền chi phí thuốc men và tiền điều trị là 10.856.000 đồng;

- Tiền thuê xe cứu chữa và tiền đi giám định tổng là 3.600.000 đồng;

- Tiền phí giám định là 6.500.000đ;

- Tiền mất thu nhập cuả người bị hại là 14.400.000 đồng;

- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc bị hại là anh Hà Văn L= 2.750.000 đồng;

- Tiền tổn thất tinh thần là 20.000.000 đồng;

- Tiền cố tật và phẫu thuật nối gân sau này là 20.000.000 đồng;

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 78.000.000 đồng.

Bị cáo chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi về thường của bị hại, đã nộp 15.000.000 đồng bồi thường cho anh N tại Chi cục thi hành án huyện Bá Thước.

Tại bản án số 01/2020/HS- ST ngày 16- 01- 2020 của Toà án nhân dân huyện Bá Thước đã xử:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản1, 2, 5 Điều 65 BLHS năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 584; 586; 590 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định vê mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 và Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Bị cáo Trương Công D phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Trương Công D 36 (ba mươi sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trương Công D cho UBND xã L, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa

giám sát giáo dục. Gia đình ông Trương Công S và bà Hà Thị Kh có trách nhiệm phối hợp với UBND xã L, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa trong việc giám sát giáo dục bị cáo Trương Công D.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về bồi thường, xử lý tang vật, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17- 01- 2020, bị hại anh Nguyễn Đình N kháng cáo với nội dung: Đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm vì hình phạt áp dụng cho bị cáo là nhẹ, cho bị cáo hưởng án treo là chưa nghiêm khắc.

Ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo D xuất trình Giấy đề nghị được Ủy ban nhân dân xã xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; Biên lai thu tiền tại Chi cục thi hành án huyện Bá Thước, bồi thường tiếp cho bị hại 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N không thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Trương Công D không phải là trường hợp phạm tội có tính chất côn đồ và phạm tội đến cùng. Vì anh N đã vào soi cá ở ruộng trồng lúa và nuôi cá của bị cáo, làm cho bị cáo lo ngại có thể sẽ gây ra thiệt hại. Trong khi giữa bị cáo và bị hại đang giằng co nhau, được anh Tâm can ngăn thì bị cáo D cũng đã chấm dứt hành vi gây thương tích cho anh N. Trương Công D có nhân thân tốt, luôn chấp hành qui định của nhà nước và địa phương, sau khi phạm tội đã ăn năn hối cải. Đặc biệt, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn vợ bị mù không lao động được. Xét thấy cho bị cáo D cải tạo tại địa phương không ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội cũng như việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đề nghị áp dụng Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị hại về buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị trừ số tiền bị cáo nộp thêm vào các khoản phải bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị hại gửi trong thời hạn qui định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xem xét kết quả giải quyết của Tòa án sơ thẩm: Trương Công D có hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho Nguyễn Đình N với tỉ lệ tổn thương cơ thể 12%. Tòa án sơ thẩm đã áp dụng luật, xác định tội danh và tuyên hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng qui định.

[3]. Xem xét yêu cầu kháng cáo của các bị hại:

- Về mức hình phạt đối với bị cáo: Trương Công D bị Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản1, 2, 5 Điều 65 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Trương Công D 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo D sử dụng hung khí nguy hiểm gây tổn hại cơ thể cho anh N 12% nên bị truy tố đinhh

khung theo khoản 2 Điều 134 BLHS, nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, Tòa án sơ thẩm xử phạt bị cáo D 36 tháng tù là cao. Vì vậy, không có cơ sơ chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo.

- Về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo D là liều lĩnh và hung hăng gây thương tích cho anh N. Tuy vậy, việc anh N dùng kích điện soi cá trong khu vực trồng lúa và nuôi cá của bị cáo D đã làm cho bị cáo lo ngại sẽ ảnh hưởng đến lúa và cá nuôi. Theo bị cáo D thì cũng đã có lần bị mất cá và hỏng lúa nên dễ gây nghi ngờ, đối phó khi có người xuất hiện ở khu vực ruộng của nhà mình, dù đã được yêu cầu nhưng vẫn không rời đi. Hơn nữa, xét bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng miền núi xa xôi nhận thức có phần hạn chế, ruộng lúa là tài sản quan trọng cung cấp lương thực đảm bảo cuộc sống nên đã có hành động bảo vệ quá mức cần thiết dẫn đến vi phạm pháp luật. Hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện cũng rất khó khăn do con nhỏ, vợ bị mù lòa không lao động và đảm đương công việc gia đình được. Ủy ban nhân dân xã cũng xác nhận và đề nghị Tòa án xem xét. Ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo D có sự tích cực nộp thêm 10.000.000 đồng bồi thường cho bị hại, hứa sẽ nhanh chóng bồi thường đầy đủ. Bị cáo D có nhân thân tốt, có nơi ở ổn định, sau khi phạm tội đã tỏ ra ăn năn hối hận. Do đó, có thể cho bị cáo cải tạo ở địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, chăm xóc gia đình. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại về buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội.

[4]. Số tiền bị cáo D nộp tiếp 10.000.000 đồng sẽ được trừ vào tiền phải bồi thường cho bị hại.

[5].Về án phí: Do số tiền còn phải bồi thường cho bị hại được giảm trừ nên phải sửa án sơ thẩm tính lại án phí dân sự sơ thẩm của bị cáo.

[6]. Các nội dung quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ: Điều 345, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS;

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b và điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HS- ST ngày 16- 01- 2020 của Toà án nhân dân huyện Bá Thước về hình phạt của đối với bị cáo;

Xử phạt bị cáo Trương Công D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trương Công D cho Ủy ban ND xã L, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 584; 586; 590 của Bộ luật dân sự;

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị hại và bị cáo: Bị cáo Trương Công D có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Đình N tổng số tiền là 75.250.000 (Bảy mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, trừ số tiền bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước là 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng, bị cáo Trương Công D còn phải bồi thường tiếp cho anh N 50.250.000 (Năm mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Anh Nguyễn Đình N được nhận số tiền của Trương Công D nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước gồm: 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2010/004934 ngày 07- 01- 2020; 10.000.000 (Mười triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2010/004940 ngày 29- 4- 2020.

Bị cáo Trương Công D có trách nhiệm bồi thường cho anh Hà Văn L 2.750.000 (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo không thi hành nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng phải chịu mức lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền phải thi hành.

Về án phí, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định vê mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 và Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trương Công D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.650.000 (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Các nội dung bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Bá Thước;
- VKSND huyện Bá Thước;
- Công an huyện Bá Thước;
- Chi cục THADS huyện Bá Thước;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trương Quốc Văn